

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C, TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2020/DS-ST

Ngày: 07/8/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Tường**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà **Nguyễn Thị Diệu Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 294/2019/TLST-DS ngày 16/8/2019 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-DS ngày 15/7/2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

* **Bị đơn**: Ông **Võ Văn C**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Anh **Trần Văn O**, sinh năm

1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:*

Vào ngày 24/3/2012 âm lịch ông Võ Văn C có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông mua phân và thuốc trừ sâu về làm lúa. Ông C trả tiền còn thiếu ông 9.600.000 đồng.

Ông C hứa với ông đến ngày 14/4/2012 âm lịch trả cho ông 9.600.000 đồng và tính lãi suất 3%/tháng. Ông C hứa với ông không đúng hẹn, tính cho đến ngày 24/4/2013 vốn của ông là 9.600.000 đồng và lãi 13 tháng là 3.744.000 đồng (khi này là ông tính lãi 3%/tháng). Như vậy tính đến thời điểm ngày 24/4/2013 âm lịch tính cả vốn và lãi tổng cộng ông C thiếu ông là 13.344.000 đồng.

Sau đó ông C có đến đăng cho ông tiền lãi lần một là 1.000.000 đồng và lần hai ông C đăng thêm tiền lãi là 2.000.000 đồng. Như vậy tính đến thời điểm này ông C còn thiếu ông cả vốn lẫn lãi là 10.344.000 đồng.

Từ đó đến nay ông C không có đăng tiền lãi nữa và tiền vốn cũng không trả luôn, tính từ thời điểm ông C còn nợ tiền ông là 10.344.000 đồng, ông đã tính tiền lãi giảm xuống là 1% và tính đến ngày 24/8/2019 là 80 tháng với số tiền lãi tính là 8.275.000 đồng. Như vậy tính đến ngày 24/8/2019 ông C thiếu ông cả vốn lẫn lãi là 18.619.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông Võ Văn C trả lại cho ông số tiền 18.619.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử với mức lãi là 1%/tháng. Đồng thời yêu cầu ông C chịu chi phí giám định chữ ký chữ viết số tiền 2.000.000 đồng.

** Theo tờ tự khai các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn C trình bày:*

Vào ngày 24/3/2012 âm lịch, ông có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông H để mua phân và thuốc về làm lúa và khi đó ông còn thiếu ông H tổng số tiền là 6.460.000 đồng. Số tiền mà ông còn thiếu của ông H, hai bên có thỏa thuận trả dần theo mùa vụ lúa.

Vào vụ Đông xuân năm 2013 (tức là tháng 02 năm 2013 âm lịch) ông trả cho con ông H là Trần Văn O số tiền là 1.000.000 đồng. Sau đó, vụ 3 năm 2013 (tức tháng 8 năm 2013 âm lịch) ông trả tiếp số tiền 1.000.000 đồng cho anh O; Tiếp đến vụ Đông xuân năm 2014 (tức là tháng 02 năm 2014 âm lịch) ông trả tiếp cho anh O số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng ông đã trả được số tiền 3.000.000 đồng, khi trả anh O có làm biên nhận cho ông nhưng thời gian đã lâu biên nhận ông đã làm mất.

Do đó, ông khẳng định chỉ còn nợ ông H số tiền 3.460.000 đồng và giữa ông với anh O có thỏa thuận trả mỗi mùa vụ lúa trả 500.000 đồng cho đến khi xong nợ. Còn biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch do ông H nộp cho Tòa án, ông không biết và cũng không có ký tên trong biên nhận. Khi ông mua còn thiếu số tiền 6.460.000 đồng thì ông H có viết trên hóa đơn nhưng ông đã làm mất.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông trả tiền vốn và lãi còn thiếu là 18.619.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông chỉ còn thiếu ông H 3.460.000 đồng, khi mua thiếu ông H không có nói sẽ tính lãi và chỉ đồng ý trả cho ông H mỗi vụ mùa lúa 500.000 đồng cho đến khi xong nợ như thỏa thuận giữa ông với anh O.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn O trình bày:**

Vào ngày 24/3/2012 ông Võ Văn C có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của cha anh là ông Trần Văn H để mua phân về làm lúa, cha anh (ông H) là người trực tiếp bán phân thuốc, ghi sổ và tính tiền với ông C nên việc ông C mua phân thuốc với số tiền là bao nhiêu thì anh không rõ nhưng số tiền cụ thể có ghi trong sổ của cha anh. Anh chỉ phụ trách việc giao hàng và cha anh kêu anh đi thu nợ của ông C bao nhiêu thì anh thu bấy nhiêu chứ anh cũng không biết số tiền cụ thể mà ông C nợ cha anh là bao nhiêu.

Tổng cộng anh đi thu nợ của ông C theo yêu cầu của cha anh được 03 lần với số tiền tổng cộng là 3.000.000 đồng, cụ thể các lần như sau:

- Lần 01: Ngày 18/4/2013 âm lịch ông C trả cho anh số tiền 1.000.000 đồng.
- Lần 02: Ngày 20/02/2014 âm lịch ông C trả cho anh số tiền 1.000.000 đồng.
- Lần 03: Ông C có trả cho anh số tiền 1.000.000 đồng nhưng anh đã quên không còn nhớ ngày tháng năm cụ thể.

Cả 03 lần trả đều không làm biên nhận gì.

Tổng cộng số tiền 3.000.000 đồng anh thu của ông C trong 03 lần như anh vừa kể trên là anh thu tiền lãi, mỗi lần anh vào thu tiền đều nói rõ với ông C là

thu lãi. Anh có đến thu tiền lãi của ông C nhiều lần thấy gia đình ông C khó khăn anh có nói với ông C là có bao nhiêu thì phụ lãi bấy nhiêu, còn việc đến khi nào ông C hoàn tất việc trả nợ gốc cho cha anh thì anh không rõ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của cha anh là ông Trần Văn H thì anh không có ý kiến gì, vì việc mua bán giữa cha anh và ông C cũng như việc làm giấy tờ, ghi sổ sách giữa họ thì anh không biết, anh chỉ có nhiệm vụ giao hàng và lấy tiền theo yêu cầu của cha anh.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Trần Văn H xác định ông yêu cầu ông Võ Văn C trả lại cho ông số tiền vốn gốc là 9.600.000 đồng; tiền lãi từ ngày 24/3/2012 âm lịch ngày viết biên nhận đến ngày 24/4/2013 âm lịch với lãi suất 3%/tháng số tiền 3.744.000 đồng nhưng ông C đã trả lãi được số tiền 3.00.000 đồng nên còn nợ lại 744.000 đồng; tiền lãi từ ngày 25/4/2013 âm lịch đến ngày xét xử vụ án là ngày 07/8/2020 với số tiền là 11.131.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là số tiền 21.475.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông yêu cầu ông C hoàn trả chi phí giám định chữ ký chữ viết cho ông số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 23.475.000 đồng.

- Ông Võ Văn C: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn O: Đối với yêu cầu khởi kiện của cha anh là ông Trần Văn H thì anh không có ý kiến gì, vì việc mua bán giữa cha anh và ông C cũng như việc làm giấy tờ, ghi sổ sách giữa họ thì anh không biết, anh chỉ có nhiệm vụ giao hàng và lấy tiền theo yêu cầu của cha anh.

- Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng các quy định trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn chấp hành pháp luật không nghiêm, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy ngày 24/3/2012 âm lịch nguyên đơn có bán cho bị đơn ông Võ Văn C phân bón và thuốc trừ sâu, ông C đã trả tiền còn thiếu ông H số tiền 9.600.000 đồng thể hiện ở biên nhận với nội dung: *Tôi Võ Văn C ở ấp Mỹ Trường, xã H có thiếu tiền phân của anh 8 H là 9.600.000 đồng, hứa đến*

ngày 14/4/2013 trả đủ số tiền nêu trên, nếu không đúng hạn thì chịu lãi 3% /tháng. Tuy nhiên đến hạn ông C không trả tiền ông H như đã hứa. Mặc dù ông C không thừa nhận biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch nhưng kết luận giám định số 280/GĐ ngày 04/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận chữ ký “C” và chữ viết “Võ Văn C” tại mục “người nhận nợ” là do ông C viết. Như vậy có căn cứ xác định ông C còn thiếu ông H số tiền 9.600.000 đồng khi mua phân thuốc nên có nghĩa vụ trả cho ông H, do đó yêu cầu của ông H là có căn cứ chấp nhận.

Ông C thừa nhận chỉ còn thiếu ông H số tiền 3.460.000 đồng do trước đó vào tháng 02/2013 âm lịch, tháng 08/2013 âm lịch và tháng 02/2014 âm lịch ông đã trả 3.000.000 đồng tiền vốn nhưng không được ông H chấp nhận là trả tiền vốn. Ông H không nhớ ngày ông C trả tiền nên cần xác định ngày ông C trả tiền cho ông H theo lời trình bày của ông C và số tiền 3.000.000 đồng là tiền lãi. Tuy nhiên, cần có sự điều chỉnh lại lãi suất là lãi suất do chậm thực nghĩa vụ dân sự vì đây là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước, theo đó nếu tiền lãi ông C đã đóng còn dư lại thì trừ vào số tiền vốn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 305, 428, 438, Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu đối với ông Võ Văn C có nơi cư trú tổ 7, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T. Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428, 438, Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 vì giao dịch hợp đồng giữa ông H và ông C được xác lập vào ngày 24/3/2012 âm lịch, trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Đồng thời, giao dịch này đang được thực hiện nhưng quy định về nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 438, Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 khác với quy định tại Điều 440, Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 688 của

Bộ luật dân sự 2015, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp của các đương sự.

Tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn ông Võ Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông đã vắng mặt không lý do C đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt ông Võ Văn C trong vụ án này.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn C trả lại cho ông số tiền vốn gốc là 9.600.000 đồng; tiền lãi từ ngày 24/3/2012 âm lịch ngày viết biên nhận đến ngày 24/4/2013 âm lịch với lãi suất 3%/tháng số tiền 3.744.000 đồng nhưng ông C đã trả lãi được số tiền 3.00.000 đồng nên còn nợ lại 744.000 đồng; tiền lãi từ ngày 25/4/2013 âm lịch đến ngày xét xử vụ án là ngày 07/8/2020 với số tiền là 11.131.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là số tiền 21.475.000 đồng. Đồng thời ông yêu cầu ông C hoàn trả chi phí giám định chữ ký chữ viết cho ông số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 23.475.000 đồng. Khi khởi kiện, ông H có cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch do ông H viết phần nội dung, ông C ký tên và viết họ tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không thừa nhận số nợ gốc như ông H trình bày, ông C chỉ thừa nhận vào ngày 24/3/2012 âm lịch còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông H với số tiền là 6.460.000 đồng. Đồng thời, tại phiên tòa diễn ra vào ngày 30 tháng 10 năm 2019, ông C cho rằng không biết về biên nhận này và không thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên của mình trong biên nhận nên ông H yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên của ông C trong biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Theo kết luận giám định số 280/GĐ/KTHS ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận:

“1. Chữ ký dạng chữ viết mang tên “Võ Văn C” dưới mục “người nhận nợ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết mang tên “Võ Văn C” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết họ tên “Võ Văn C” dưới mục “người nhận nợ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết họ tên “Võ Văn C” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết họ tên “Võ Văn C” dưới mục “người nhận nợ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết họ tên “Võ Văn C” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M6 là không phải do cùng một người viết ra.”

Hội đồng xét xử xét thấy đã có đầy đủ cơ sở xác định chữ ký dạng chữ viết mang tên “Võ Văn C” trong biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch là của ông Võ Văn C. Việc ký vào biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch đã thể hiện đầy đủ, C xác ý chí của ông C trong giao dịch hợp đồng mua bán tài sản giữa ông và ông H. Nên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đầy đủ cơ sở xác định ông C còn nợ ông H 9.600.000 đồng theo nội dung biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch do ông C ký tên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu ông C trả số tiền nợ vốn 9.600.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về số tiền lãi:

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 438 của Bộ luật Dân sự 2005, Hội đồng xét xử xác định thời hạn ông C phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông H là ngày **14/4/2012 âm lịch (04/5/2012 dương lịch)** theo biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch là có lợi cho ông C bởi vì ông C là bên mua đã nhận tài sản và nếu không có thỏa thuận về thời hạn trả tiền thì bên mua phải trả tiền tại thời điểm nhận tài sản. Nên thời hạn làm căn cứ tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là ngày 14/4/2012 âm lịch (04/5/2012 dương lịch).

Sau khi xác lập hợp đồng mua bán tài sản và kết toán nợ vào ngày 24/3/2012 âm lịch thì ông C và ông H đều thừa nhận ông C đã trả cho ông H 3.000.000đ thành 03 đợt, mỗi đợt 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, các đương sự đều trình bày không thống nhất về thời gian trả, cũng như không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh thời gian trả số tiền mà ông C đã trả cho ông H để làm căn

cứ tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh O (*con của ông H*) có trình bày: việc nợ “.... số tiền cụ thể có ghi trong sổ của cha anh...” nhưng tại phiên tòa ông H và anh O đều không nhớ cụ thể thời gian ông C trả tiền cho ông H. Nên việc không xác định rõ thời gian mà ông C trả nợ và việc xác định thời gian ông C trả nợ theo trình bày của ông H và anh O là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thời gian ông C trả số tiền 3.000.000 đồng cho ông H, cụ thể là:

- Tháng 02/2013 âm lịch (*được tính là ngày 01/02/2013 âm lịch, đổi thành dương lịch là 12/3/2013*), ông C trả cho ông H 1.000.000 đồng

- Tháng 08/2013 âm lịch (*được tính là ngày 01/08/2013 âm lịch, đổi thành dương lịch là 05/9/2013*), ông C trả cho ông H 1.000.000 đồng

- Tháng 02/2014 âm lịch (*được tính là ngày 01/02/2014 âm lịch, đổi thành dương lịch là 01/3/2014*), ông C trả cho ông H 1.000.000 đồng.

Về mức lãi suất: Theo khoản 2, Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, lãi suất cơ bản là 9%/năm.

Từ những phân tích trên, số tiền lãi được xác định cụ thể như sau:

[3.2.1.]. Tiền lãi từ ngày 14/4/2012 âm lịch (04/5/2012 dương lịch) đến ngày 12/3/2013) là: $313 \text{ ngày} \times 9.600.000\text{đ} \times 9\%/365 \text{ ngày} = 740.910 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm này ông C đã trả cho ông H 1.000.000đ nên số tiền ông C trả cho ông H được khấu trừ vào số tiền vốn là $1.000.000\text{đ} - 740.910\text{đ} = 259.090\text{đ}$. Vậy số tiền vốn tính đến thời điểm này còn lại là: $9.600.000\text{đ} - 259.090\text{đ} = 9.340.910 \text{ đồng}$.

[3.2.2.]. Tiền lãi tính từ ngày 13/3/2013 đến ngày 05/9/2013) là: $177 \text{ ngày} \times 9.340.910 \times 9\%/365 \text{ ngày} = 407.673 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm này ông C đã trả cho ông H 1.000.000đ nên số tiền ông C trả cho ông H được khấu trừ vào số tiền vốn là $1.000.000\text{đ} - 407.673\text{đ} = 592.327\text{đ}$. Vậy số tiền vốn tính đến thời điểm này còn lại là: $9.340.910 \text{ đ} - 592.327\text{đ} = 8.748.583 \text{ đồng}$.

[3.2.3.]. Tiền lãi tính từ ngày 06/9/2013 đến ngày 01/3/2014) là: $177 \text{ ngày} \times 8.748.538 \times 9\%/365 \text{ ngày} = 381.820 \text{ đồng}$.

Tính đến thời điểm này ông C đã trả cho ông H 1.000.000đ nên số tiền ông C trả cho ông H được khấu trừ vào số tiền vốn là $1.000.000\text{đ} - 381.820\text{đ} = 618.180\text{đ}$. Vậy số tiền vốn tính đến thời điểm này còn lại là: $8.759.891\text{đ} - 618.180\text{đ} = 8.141.711 \text{ đồng}$.

[3.2.4.]. Tiền lãi tính từ ngày 02/3/2014 đến ngày xét xử là 07/8/2020 là:
 $2.351 \text{ ngày} \times 8.130.358đ \times 9\%/365 \text{ ngày} = 4.713.157 \text{ đồng}.$

[3.3]. Do đó, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn cả vốn và lãi là 8.130.358đ tiền vốn và 4.713.157đ tiền lãi = 12.843.515 đồng (làm tròn là 12.843.500 đồng). Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền vốn và lãi là 21.475.000 đồng nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về chi phí giám định: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Võ Văn C hoàn trả lại các chi phí giám định chữ ký chữ viết số tiền 2.000.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 280/GĐ/KTHS ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T đã có đầy đủ cơ sở xác định chữ ký dạng chữ viết mang tên “*Võ Văn C*” trong biên nhận ngày 24/3/2012 âm lịch là của ông Võ Văn C nên căn cứ vào các Điều 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu ông Võ Văn C phải hoàn trả chi phí giám định cho ông H với số tiền 2.000.000đồng.

[5] Về án phí:

- Ông Võ Văn C phải chịu 642.175 đồng (làm tròn là 642.200 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông Trần Văn H phải chịu 431.575 đồng (làm tròn là 431.600 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Văn H đã nộp 466.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002239 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh T nên được hoàn lại 34.400 đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả chi phí giám định thì bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Các Điều 35, 39, 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 305, 428, 438, Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H: Buộc ông Võ Văn C có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn H số tiền 12.843.515 đồng (làm tròn là 12.843.500 đồng) (*mười hai triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, yêu cầu ông Võ Văn C trả số tiền 21.475.000 đồng.

Buộc ông Võ Văn C trả cho ông Trần Văn H chi phí giám định với số tiền là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thanh toán số tiền trên thì bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Võ Văn C phải chịu 642.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Trần Văn H phải chịu 431.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông H đã nộp 466.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002239 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được hoàn lại 34.400 đồng.

3. Ông Trần Văn H, anh Trần Văn O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Ông Võ Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

